

Số: 05/2024/QĐST-DS

Hàm Yên, ngày 07 tháng 2 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 121/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1952

Bà Ngô Thị H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số nhà 693, tổ dân phố Tân Quang, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q và bà H: Ông Đỗ Đình H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 7, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Anh Bàn Văn N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 1 Tân Yên, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Quang, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ thanh toán: Anh Bàn Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Xuân Q và bà Ngô Thị H số tiền 950.000.000đ (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*); trong đó: Anh N có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền 475.000.000đ (*Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng*); Anh N có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 475.000.000đ (*Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Xuân Q phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 10.125.000đ (*Mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Nhưng bà H và ông Q thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn nộp tiền án phí đối với bà H và ông Q.

Anh Bàn Văn N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 10.125.000đ (*Mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*); Anh N chưa nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền

